

Bản án số: 08/2023/KDTM-PT

Ngày : 15 - 02 - 2023

V/v : “*Tranh chấp L/C*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp L/C*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 939/2022/KDTM-ST ngày 28-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3311/2022/QĐ-PT ngày 06-01-2023, giữa các đương sự :

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam**

Địa chỉ: Số 138-142 HBT, phường Đ, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn Triển (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2021).

Địa chỉ: Phòng 10.19 Lô B2 Chung cư ĐK, phường P, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*** Bị đơn : Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH**

Địa chỉ : Số 62 ADV, Phường 9, Quận Y, tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến Dũng (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018 và ngày 03/6/2022).

Địa chỉ : 62 ADV, Phường 9, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*** Người kháng cáo :** Bị đơn Ngân hàng TMCP VH.

* Kháng nghị : Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam (ông Lâm Văn Triển đại diện ủy quyền) trình bày:

Theo yêu cầu ủy thác nhập khẩu của Công ty TNHH TH, công ty Cung ứng vật tư và dịch vụ nuôi tôm xuất khẩu (Vinases) có ký một hợp đồng mua bán ngoại thương với PT Inc (Seoul - Hàn Quốc) để nhập khẩu 1067 tấn thép cuộn cho công ty TNHH TH, với phương thức thanh toán theo tín dụng thư không hủy ngang.

Theo yêu cầu của Vinases, vào ngày 17/5/1996, Ngân hàng TMCP VH đã phát hành một thư tín dụng không hủy ngang (L/C số 20VH2712LC) trị giá 662.970 đô la Mỹ (dung sai cộng trừ 10%) cho người thụ hưởng là PT Inc., thời gian chậm trả là 360 ngày kể từ ngày ký tải hóa đơn.

Căn cứ vào hồi phiếu do PT Inc., phát hành, Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH được yêu cầu thanh toán khoản tiền 707.853,07 đô la Mỹ cho S Bank Seoul, Hàn Quốc. S Bank Seoul, Hàn Quốc cũng là ngân hàng chiết khấu theo quy định của tín dụng thư.

Căn cứ vào điện văn ngày 12/7/1996 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH gửi cho S Bank Seoul, Hàn Quốc, Ngân hàng TMCP VH chính thức chấp nhận hồi phiếu và cam kết thanh toán cho S Bank Seoul, Hàn Quốc khoản tiền 707.853,07 đô la Mỹ vào ngày đáo hạn 23/6/1997, S Bank Seoul Hàn Quốc có quyền được Ngân hàng TMCP VH thanh toán vào ngày 23/6/1997 nhưng vẫn chưa được thanh toán.

Căn cứ Điện văn ngày 10/01/1998 của Ngân hàng TMCP VH gửi Ngân hàng S - Chi nhánh Tp.HCM để xác nhận và cam kết thanh toán nên vào ngày 30/01/1998, S Bank Seoul Hàn Quốc đã có điện văn yêu cầu Ngân hàng xác nhận là S Bank - Chi nhánh Tp.HCM phải thay thế Ngân hàng TMCP VH thanh toán cho S Bank Seoul Hàn Quốc số tiền 707.853,07 đô la Mỹ và lãi phạt là 29.839,57 đô la Mỹ (tổng cộng 737.732,64 đô la Mỹ).

Ngày 02/02/1998, S Bank - Chi nhánh Tp.HCM với tư cách là Ngân hàng xác nhận của tín dụng thư, đã thay thế Ngân hàng TMCP VH thanh toán cho S Bank Seoul Hàn Quốc số tiền 737.732,64 đô la Mỹ. S Bank - Chi nhánh Tp.HCM đã thông báo và yêu cầu Ngân hàng TMCP VH thanh toán tại điện văn ngày 22/01/1998 và ngày 06/02/1998.

Ngày 20/5/1998 Ngân hàng VH đã có các điện thư số 756/VT- VHNH ngày 20/5/1998 và điện thư số 986/VT-VH ngày 14/7/1998 gửi Ngân hàng S – Chi nhánh Tp.HCM xác nhận nợ, yêu cầu giảm nợ và gia hạn thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Ngân hàng TMCP VH thanh toán khoản nợ gốc 737.732,64 đô la Mỹ và lãi suất phát sinh từ ngày 21/01/1998 đến ngày 10/9/1998 (7,168%/năm) là 33.931,77 đô la Mỹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH có đại diện ủy quyền trình bày:

Ngân hàng VH xác nhận việc vay tiền nói trên nhưng đề nghị S giảm 40% số tiền vốn vay gốc 707.853,07 đô la Mỹ còn 424.711,84 đô la Mỹ, miễn hoàn toàn số tiền lãi và cho thời hạn trả nợ trong vòng 5 năm, chia làm 60 đợt (từng tháng) bắt đầu từ năm 1999. Mỗi tháng chỉ trả 7.000 đô la Mỹ, đợt cuối thanh toán 11.711,84 đô la Mỹ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 939/2022/KDTM-ST ngày 28-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định :

Căn cứ Điều 90, Điều 91 và khoản 2, 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005. Khoản 2 Điều 20 Nghị quyết 01 ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam, buộc bị đơn Ngân hàng TMCP VH thanh toán số tiền nợ phát sinh từ L/C số 20VH2712LC ngày 17/5/1996 là 707.853,07 đô la Mỹ.

Kể từ ngày Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngân hàng TMCP VH không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP VH còn phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại : Bị đơn Ngân hàng TMCP VH phải chịu là 43.330.876 đồng.

Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam (trước đây là S Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) phải chịu án phí là 28.471.268 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.866.000 đồng theo Biên lai số 002690 ngày 29/9/1998 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam phải nộp thêm là 9.605.268 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị đơn Ngân hàng TMCP VH kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và kết luận: Thay đổi một phần kháng nghị về nội dung “*không cần thiết đưa Công ty TNHH TH vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan*”, đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP VH và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án dân sơ thẩm số 939/2022/KDTM-ST ngày 28-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ngày 05-7-2022, bị đơn Ngân hàng TMCP VH làm đơn kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đều là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp. Hoạt động cho vay ngoại tệ giữa các bên phù hợp với nội dung hoạt động được cấp phép, cụ thể: Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam tại thời điểm thực hiện giao dịch với bị đơn là Ngân hàng S Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (S Bank - Ho Chi Minh City Branch) hoạt động theo Giấy phép hoạt động chi nhánh Ngân hàng Nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp số 17/NH-GP ngày 25/3/1995. Tại mục II Điều III của Giấy phép quy định: “*Hoạt động bằng ngoại tệ:...B. Khách hàng là Ngân hàng: 2. Bảo lãnh và tái bảo lãnh các khoản vay và thanh toán của các Ngân hàng thương mại Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh và Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam*”. Còn Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 0027/NH-GP ngày 15/8/1992 do Ngân hàng Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập công ty số 459/GP-UB ngày 28/8/1992 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép đăng ký kinh doanh số 059026 ngày 31/8/1992 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Nội dung ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng TMCP VH được cấp phép cụ thể là: “*Huy động*

vốn - tiếp nhận vốn - vay vốn - cho vay - hùn vốn và liên doanh - kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác...”

[3] Xét nội dung kháng cáo của Ngân hàng TMCP VH và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo yêu cầu ủy thác nhập khẩu của Công ty TNHH TH, công ty Cung ứng vật tư và dịch vụ nuôi tôm xuất khẩu (Vinases) có ký một hợp đồng mua bán ngoại thương với PT Inc (Seoul - Hàn Quốc) để nhập khẩu 1067 tấn thép cuộn cho công ty TNHH TH, với phương thức thanh toán theo tín dụng thư không hủy ngang. Theo đó, ngày 17/5/1996, Ngân hàng TMCP VH đã phát hành một thư tín dụng không hủy ngang (L/C số 20VH2712LC) trị giá 662.970 đô la Mỹ (đúng sai cộng trừ 10%) cho người thụ hưởng là Seoul - Hàn Quốc, thời gian chậm trả là 360 ngày kể từ ngày ký tài hóa đơn. Sau đó, dựa trên hồi phiếu do Seoul - Hàn Quốc phát hành, Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH được yêu cầu thanh toán khoản tiền 707.853,07 đô la Mỹ cho S Bank Seoul, Hàn Quốc. Mặc dù, nguyên đơn Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam không xuất trình được bản gốc xác nhận nợ nhưng các khoản nợ này phát sinh từ L/C số 20VH2712LC ngày 17/5/1996 do Ngân hàng TMCP VH phát hành. Đồng thời, Ngân hàng TMCP VH đã xác nhận nợ gốc tại Văn bản 1462/TT-VHNN/98 ngày 20/10/1998. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP VH đã thừa nhận khoản nợ gốc 707.853,07 đô la Mỹ, hứa hẹn, cam đoan trả nợ cho nguyên đơn (BL 264, 269). Đối với khoản nợ lãi phạt là 29.839,57 đô la Mỹ, nguyên đơn không yêu cầu trả lãi từ ngày 10/9/1998 đến khi xét xử sơ thẩm nên Tòa án sơ thẩm không xem xét là đúng pháp luật.

[4] Đối với kháng nghị cho rằng yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính trên lãi suất quy định của pháp luật kể từ thời điểm chậm thanh toán theo Bản án có hiệu lực của Tòa án của nguyên đơn là không đúng pháp luật: Tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Đối chiếu quy định trên, nguyên đơn yêu cầu được thanh toán tiền lãi tính trên lãi suất thi hành án này, trong khi Ngân hàng TMCP VH đã vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam. Do đó, Ngân hàng TMCP VH phải chịu tiền lãi này là chính xác (ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành).

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP VH, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí :

Ngân hàng TMCP VH không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13, Điều 14 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994; Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 103/2015/QH13 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1, 2, 4 Điều 91 và khoản 3 Điều 92, Điều 147, Điều 259, Điều 266, khoản 1 Điều 273; Điều 232, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 15 Nghị định 70 CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

QUYẾT ĐỊNH :

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 939/2022/KDTM-ST ngày 28-6 -2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. **Xử:**

Áp dụng Điều 90, Điều 91 và khoản 2, 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471,474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005. Khoản 2 Điều 20 Nghị quyết 01 ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam, buộc bị đơn Ngân hàng TMCP VH thanh toán số tiền nợ phát sinh từ L/C số 20VH2712LC ngày 17/5/1996 là 707.853,07 (bảy trăm lẻ bảy nghìn tám trăm năm mươi ba phẩy lẻ bảy) đô la Mỹ.

Kể từ ngày Ngân hàng TNHH 1 Thành viên S Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngân hàng TMCP VH không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP VH còn phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm :

Ngân hàng Thương mại Cổ phần VH phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000đ (hai triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào 2.000.000đ (hai triệu) đồng tiền tạm nộp án phí tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002604 ngày 08-7-2022 của Chi cục thi hành hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15 - 02 - 2023./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THA dân sự TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Cầu

THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Minh

Hoàng Minh Thịnh

Lê Thúy Cầu